TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA BỂ** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/7/2023
"Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Chu Thị Thu Trang** và bà **Đỗ Thị Láng**

Thư ký phiên toà: Bà **Bào Kim Vân** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thu Huyền -** Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2023/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị L, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn PP, xã B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

- Bị đơn: Anh Triệu Văn L, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn C (nay là thôn B), xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Bàn Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn L kết hôn với nhau vào năm 2016, nhưng thực tế chị L và anh L chung sống với nhau từ năm 2011, kết hôn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện được tìm hiểu về nhau và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã B, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn vào ngày 24/8/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc, nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, say rượu, đánh vợ, không chăm lo cho đời sống gia đình, không tập trung làm ăn, dẫn đến vợ chồng

không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2021 vợ chồng hay cãi chửi nhau, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống về mọi mặt nên anh L đã tự ý bỏ về gia đình bên nội ở xã C, huyện Ba Bể sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân không ai có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Văn L.

- Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là Triệu Thị T, sinh ngày 19/4/2012 và Triệu Duy D, sinh ngày 13/12/2013. Con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Bàn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Triệu Văn L: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành lấy được bản tự khai, lời khai của bị đơn do anh L không hợp tác, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng bị đơn Triệu Văn L không đến Tòa án để làm việc.

* Các tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn L có đăng ký kết hôn hợp pháp, sau khi kết hôn có nơi cư trú, sinh sống và làm ăn tại thôn P, xã B, huyện Chợ Đồn, khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân thì anh L chuyển nhân khẩu về sinh sống tại thôn C (nay là thôn B), xã C, huyện Ba Bể. Thời gian sinh sống tại thôn Ph, xã B, huyện Chợ Đồn thấy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cãi chửi nhau, nguyên nhân là do anh L thường xuyên uống rượu, lười lao động, không chăm lo làm kinh tế, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi, chửi nhau. Do có nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân, anh L chuyển về xã C, huyện Ba Bể sinh sống cùng bố đẻ nhưng chủ yếu là đi làm thuê nhiều nơi khác nhau, chỉ thỉnh thoảng ngày nghỉ, lễ, Tết mới thấy có mặt tại nơi cư trú.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L nhiều lần để làm việc nhưng anh L không có mặt, phiên tòa đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Triệu Văn L vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

* Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự không bị hạn chế quyền tham gia tố tụng và thực hiện đúng

quy định pháp luật về tố tụng. Bị đơn vắng mặt nên không tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

* Về yêu cầu khởi kiện của đương sự và đường lối giải quyết vụ án.

- Về quan hệ hôn nhân: Theo tài liệu và ý kiến của nguyên đơn thấy, chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn L có kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, hay cãi chửi nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân nên theo quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không đảm bảo được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn với anh Triệu Văn L là có căn cứ.

- Về con chung: Chị L và anh L có 02 con chung là Triệu Thị T, sinh ngày 19/4/2012 và Triệu Duy D, sinh ngày 13/12/2013. Con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị căn cứ khoản 1, Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1, Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Bàn Thị L, cho chị Lai được ly hôn với anh Triệu Văn L.

* Về con chung: Giao con chung Triệu Thị T, sinh ngày 19/4/2012 và Triệu Duy D, sinh ngày 13/12/2013 cho chị Bàn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Anh Triệu Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình vợ chồng có đăng ký kết hôn hợp pháp. Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Bị đơn Triệu Văn L không hợp tác và được Tòa án tiến hành thông báo hòa giải nhưng anh L không có mặt, chị L không yêu cầu hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại Điều 207/BLTTDS. Tuy nhiên, vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định tại Điều 208/BLTTDS.

Tại phiên tòa, bị đơn Triệu Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị L và anh Triệu Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã B, huyện Chợ Đồn vào ngày 24/8/2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên ham chơi hay tụ tập bạn bè, uống rượu, không chăm lo cho đời sống gia đình, không tập trung làm ăn, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng cãi chửi nhau, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Từ khi sống ly thân không ai có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mỗi người sống một nơi, tự làm tự lo cuộc sống riêng. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Triệu Văn L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ lời khai của chị L và các tài liệu chứng cứ xác minh tại địa phương thấy quan hệ hôn nhân của chị L và anh L là đúng thực tế, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, mỗi người một nơi, kinh tế tự làm ăn riêng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L không hợp tác để trình bày ý kiến, quan điểm, chị L yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị L và anh Lê có 02 con chung là Triệu Thị T, sinh ngày 19/4/2012 và Triệu Duy D, sinh ngày 13/12/2013. Con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, anh L hiện nay đi làm ở nhiều nơi (không có nơi ở ổn định), không trực tiếp nuôi con, đồng thời cũng không có ý kiến gì khi Tòa án giải quyết vụ án. Mặt khác, chị L đang trực tiếp nuôi con, thường xuyên quan tâm, chăm sóc, chu cấp tiền nuôi con đầy đủ, ổn định từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao con cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của các con và quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1, Điều 56; Điều 81, 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn Bàn Thị L, chị L được ly hôn với anh Triệu Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Thị Tr, sinh ngày 19/4/2012 và Triệu Duy Dg, sinh ngày 13/12/2013 cho chị Bàn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Triệu Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Bàn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001147 ngày 06/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành*

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. Ba Bể;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Chi cục THADS H. Ba Bể;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu HSVA;
- Lưu VP; Lưu trữ:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thu Trang + Đỗ Thị Láng **Ma Thị Nguyên**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thăng Bắc + Chu Thị Thu Trang **Ma Thị Nguyên**